

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (*Xem Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

a) Cập nhật danh mục TTHC này vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Công khai các TTHC này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử cụ thể giải quyết các TTHC này theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để trình UBND tỉnh phê duyệt và đăng ký áp dụng thực hiện với Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Triển khai thực hiện giải quyết các TTHC này theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Cập nhật các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Công khai các TTHC này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các TTHC số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, số 28, số 30, số 32 và số 33 thuộc Phần danh mục tại Quyết định số 2526 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP. Huế;
- Sở KH&ĐT (*gửi bản chính*);
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (Ban hành kèm theo Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần 1: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (Nếu có)	Địa điểm và cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân 2.001610				
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên 2.001583				
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên 2.001199	- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.	- 50.000 đồng/lần , nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 01 Lê Lai, phường Phước Vĩnh, TP Huế)	1. Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; 2. Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; 3. Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ; 4. <u>Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập</u>
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần 2.002043				
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh 2.002042				
6	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với				

	doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) 2.002069	- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Nộp trực tuyến qua Công Dịch vụ công của tỉnh TT Huế .	<u>doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia BHXH, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp;</u>
7	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) 2.002045				5. Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
8	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) 2.002072				6. Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;
9	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) 2.002084				7. Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.